VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2020 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 885 + 886)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
324	Buprofezin 330g/kg + Pymetrozine 170g/kg	Rocking 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
325	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
326	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
327	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
328	Buprofezin 450g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Mazzin 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
329	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
330	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5%	Jia-ray 15WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Quada 15WP	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
331	Buprofezin 450g/kg + Tebufenpyrad (min 98%) 250g/kg	Newtime 700WP	nhện gié, rầy nâu/lúa, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH An Nông
332	Buprofezin 250g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Acme 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
333	Buprofezin 499g/l (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/l (450g/kg)	Aplougent 450SC, 500WP	**450SC:** rầy nâu/lúa **500WP:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
334	Carbaryl (min 99%)	Baryl annong 85WP	sâu đục thân/lúa; tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Carbavin 85WP	rầy/hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85WP	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forvin 85WP	sâu đục thân/lúa	Forward International Ltd
		Saivina 430SC	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85SP	rầy nâu/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
335	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20SC	**3GR:** sâu đục thân/ngô; tuyến trùng/ cà phê, mía; rầy nâu/lúa **20SC:** sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Amitage 200EC	rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Coral 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân/lúa **200SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	**5GR:** tuyến trùng/mía **200SC:** rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rệp sáp bột hồng/sắn; tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 5GR, 200SC	**5GR:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; tuyến trùng/cà phê **200SC:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp, ve sầu/cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Vifu-super 5GR	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ngô, mía; sùng đất/mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
336	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh láng/lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
337	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l + Fipronil 50g/l	Sulfaron gold 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
338	Carbosulfan 200g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bop 600EC	mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/lúa; sâu đục cành, sâu đục thân/điều	Công ty TNHH ADC

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
339	Carbosulfan 200g/l + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l	Sappro 500EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
340	Cartap (min 97%)	Badannong 10GR, 95SP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía **95SP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Bazan 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95SP	sâu đục thân/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 500SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Gà nòi 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/lúa **95SP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ledan 4GR, 95SP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Longkick 50SP	sâu đục thân/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95 SP	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Padan 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân/mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa **95SP:** sâu đục thân/mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục thân/mía	Công ty CP BVTV I TW
		Supertar 950 SP	Bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 95SP	**4GR:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95SP:** sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95WP	**4GR:** sâu đục thân/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
341	Cartap hydrochloride 470g/kg + Imidacloprid 30g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
342	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
343	Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Wofagent 500WP	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
344	Celastrus angulatus	Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/chè; rệp sáp/cam; sâu đục quả/vải; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; nhện đỏ/ớt; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/chè; dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
345	Chlorantraniliprole (min 93%)	Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	**0.4GR:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá,sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/mía **5SC:** dòi đục lá/cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/dưa hấu, sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương, hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhảy/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, sâu đục thân mình hồng/mía **35WG:** sâu tơ, bọ nhảy/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH FMC Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
346	Chlorantraniliprole 200g/kg, (100g/l) + Thiamethoxam 200g/kg, (200g/l)	Virtako® 40WG, 300SC	**40WG:** rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu đục thân/ngô **300SC:** sâu xám/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
347	Chlorfenapyr (min 94%)	Alex 20SC, 50WG	**20SC:** nhện gié/lúa **50WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu năn, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá, sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/hoa hồng; mối/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
		Fan-Extra 350SC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu cắn gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Fenrole 240SC	Sâu xanh da láng/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Force excel 240SC	Nhện đỏ/hoa hồng; sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Secure 10EC, 10SC	**10EC:** sâu xanh da láng/đậu xanh, sâu cuốn lá/lúa **10SC:** sâu xanh da láng/lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sender 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Solo 350SC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/lạc, đậu xanh	Công ty TNHH King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	**25EC:** Rầy lưng trắng/lúa **110SC:** Sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Yamato 25EC, 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
348	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Anstingold 120SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Bugatteegold 120SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
349	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
350	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
351	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	sâu xanh da láng/lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
352	Chlorfenapyr 150g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Super Ken 170SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
353	Chlorfenapyr 25g/l + Fenpropathrin 110g/l	Ikander 135EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
354	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/hoa cúc, nhện đỏ/hoa hồng, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Lumina 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
355	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
356	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông Việt
357	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
358	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 100g/l	New Fuze 200SC	Rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Phú Nông
359	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
360	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
361	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
362	Chlorfenapyr 200g/l + Lufenuron 50 g/l	Fan-Pro 250SC	Sâu cuốn lá/đậu tương; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
363	Chlorfenapyr 100g/l + Metaflumizone 200g/l +	Vario 300SC	Nhện đỏ/đậu tương; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
364	Chlorfenapyr 100g/l + Phoxim 50g/l	Pylat 150EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
365	Chlorfenapyr 150g/l + Profenofos 50g/l	Palcon 200EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
366	Chlorfenapyr 250g/l + Spirodiclofen 100 g/l	Fanmax 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
367	Chlorfenapyr 11.5% + Spinosad 2.5%	Ω-Pino 14SC	Sâu xanh da láng/đậu tương, rệp muội/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
368	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette 50EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atabron 5EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc; sâu khoang/khoai lang	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Atannong 50EC, 50SC	**50EC:** sâu phao/lúa **50SC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5EC	sâu xanh/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
369	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
370	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	**600WP:** sâu đục thân/lúa **600EC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
371	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
372	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
373	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng, sâu phao/lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua, rầy/xoài; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
374	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
375	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
376	Chlorfluazuron 50g/l (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/kg)	Director 70EC, 140WP	**70EC:** sâu tơ/bắp cải, nhện đỏ/ớt, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/hoa lay ơn **140WP:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
377	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Ammeri 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
378	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	**140WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140WP:** nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **140SC:** sâu cuốn lá /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
379	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Cabala 150EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Shipper 150EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
380	Chlorfluazuron 100g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Apigun 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
381	Chlorfluazuron 200g/l (175g/kg) + Emamectin benzoate 30g/l (40g/kg) + Fipronil 70g/l 300g/kg)	VetuJapane 300SC, 515WP	**300SC:** Sâu đục thân/lúa, sâu xanh/đậu tương **515WP:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
382	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 40g/l + Fipronil 160g/l	Nofet 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
383	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	**200SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **300EC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiên Giang
384	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Dofachip 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Request 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
385	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 175g/l	Usamec 275EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
386	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 200g/l	Hero super 350EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
387	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 250g/l	TT Bux 400SC	sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô, lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vk.Suking 400EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
388	Chlorfluazuron 200 g/kg + Fipronil 350g/kg	Acheck 550WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
389	Chlorfluazuron 0.2g/kg (100g/l), (200g/kg)+ Fipronil 9.7g/kg (160g/l), (320g/kg)	Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	**9.9GR:** rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/lúa **260EC, 520WP:** rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục than, nhện gié/lúa; sâu xanh/lạc	Công ty TNHH ADC
390	Chlorfluazuron 110g/l (200g/l), (200g/kg) + Fipronil 175g/l (100 g/l), (325g/kg)	Schiepusamy 285EC, 300SC, 525WP	**285EC, 300SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **525WP:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
391	Chlorfluazuron 100g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 100g/l (250g/kg)	Goodtrix 300SC, 750WP	**300SC:** Sâu cuốn lá/lúa **750WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
392	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxys 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
393	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
394	Chlorfluazuron 70g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
395	Chlorfluazuron 100g/l + Indoxacarb 150 g/l	Amazon 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
396	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
397	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
398	Chlorfluazuron 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Onecheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
399	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
400	Chlorfluazuron 5g/l (10g/l), (220g/kg), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (10g/kg), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (264g/l), (200g/kg), (1g/l)	Bakari 86EW, 275SC, 430WP, 512EC	**86EW:** bọ trĩ/lúa **275SC:** rầy nâu/lúa **430WP:** sâu cuốn lá/lúa **512EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
401	Chlorpyrifos Ethyl (min 94%)	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Alocbale 40EC	sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Anboom 48EC	Mọt đục cành/cà phê, sâu đục ngọn/điều, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng, sâu năn/lúa, rệp sáp/ca cao, hồ tiêu; sâu đục quả/ca cao; rệp sáp/cà phê, sắn; rệp bông xơ trắng/mía	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Arusa 480EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Bonus 40EC	rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
		Bullet 48EC	sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Chlorban 48EC	rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/bông vải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Forfox 5GR, 650EC	**5GR:** Sâu xám, sâu đục thân/ngô **650EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Genotox 55.5EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh/lạc, đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
		Hoban 500EC	bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Lora 10GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Lorsban 15GR, 40EC, 75WG	**15GR:** sâu đục thân/lúa; sâu đục thân, sâu đục bắp/ngô **40EC:** mối/cao su, hồ tiêu; rệp sáp/cà phê **75WG:** sâu đục thân/lúa	Dow AgroSciences B.V
		Mapy 48EC	rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân/ngô, mọt đục cành/cà phê; sâu đục thân/lúa; mọt đục quả/cà phê; bọ hung, xén tóc/mía	Map Pacific PTE Ltd
		Maryfos 680EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
		Maxfos 50EC	rệp sáp/cà phê, sâu khoang/lạc, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Minifos 480EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV SNY

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Mondeo 60EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Noviphos 48EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông Việt
		Nycap 15GR, 48EC	**15GR:** rệp sáp rễ/cà phê **48EC:** sâu đục quả/đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục bắp/ngô; mối/hồ tiêu; sâu đục dây/khoai lang	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H
		Pyrinex 480EC	sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Pyritox 480EC	rệp vảy/cà phê, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sambar 480EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP SAM
		Sanpyriphos 48EC	sâu khoang/lạc	Forward International Ltd
		Sargent 6GR	sâu đục thân/lúa, mía; rầy nâu/lúa; mối, ve sầu/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieu Sao E 500WP	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH King Elong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Termicide 40EC	rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Tricel 48EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Excel Crop Care Limited
		Tipho-sieu 15GR, 400EC	**15GR:** Sâu đục thân/lúa **400EC:** sâu cuốn lá/đậu tương; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Virofos 50EC	Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitashield 40EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
402	Chlorpyrifos Ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
403	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 750EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
404	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
405	Chlorpyrifos Ethyl 510g/l + Cypermethrin 250g/l	Triceny 760EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân,sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
406	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 10%	Docytox 60EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
407	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Cypermethrin 100g/l	Aseld 680EC	rệp sáp/cà phê, sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
408	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l + Cypermethrin 45.9g/l	Subside 505EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
409	Chlorpyrifos Ethyl 507g/l + Cypermethrin 50g/l	Bintang 557EC	Sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
410	Chlorpyrifos Ethyl 45g/l (400g/kg) + Cypermethrin 50g/l (50g/kg)	Cadicone 95EC, 450WP	**95EC:** Bọ trĩ/lúa **450WP:** Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
411	Chlorpyrifos ethyl 450g/l + Cypermethrin 50g/l	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
412	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	sâu đục quả/đậu tương; sâu róm/điều; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; mối/hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
		Tungcydan 55EC	sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/thuốc lá; sâu đục thân/ngô; sâu róm, sâu đục	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			thân/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/lúa; mọt đục cành, sâu đục thân, rệp sáp/cà phê	
		Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
413	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	Bidiphote 550EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP SAM
		God 550EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Baconco
		Lion super 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P-H
		Supraxong 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Wusso 550EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
414	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 60g/l	Rầy usa 560EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
415	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 50 g/l	Ogau 580EC	Sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê, điều	Công ty CP Nông nghiệp HP
416	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 277g/l	Serpal super 777EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
417	Chlorpyrifos Ethyl 560g/l + Cypermethrin 239g/l	Đại Bàng Đỏ 799EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
418	Chlorpyrifos Ethyl 650g/l + Cypermethrin 130g/l	Pertrang 780EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
419	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/kg) + Cypermethrin 200g/l (200g/kg)	Tadagon 700EC, 700WP	**700EC:** Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tương **700WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
420	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (530g/kg) + Cypermethrin 55g/l, (55g/kg)	Dragoannong 585EC, 585WP	**585EC:** Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/ đậu xanh **585WP:** Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
421	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55g/l	Ca-hero 585EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dragon 585 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa cạn; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/lạc; rầy nâu/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tigishield 585EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Victory 585EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Wavotox 585EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
422	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Futai
423	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Jia-cyfos 600EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
424	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
425	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 15%	Laxytox 70EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
426	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
427	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
428	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 55g/l	Domectin 605EC	sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	PT. Sari Kresna Kimia
429	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt.VN
430	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	rầy nâu, sâu năn/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, bọ trĩ/điều, sâu đục thân/ngô, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
431	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
432	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
433	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50 g/l + Fenpropathrin 100 g/l	Rago 650EC	Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
434	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin 100g/l + Fipronil 20g/l	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
435	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
436	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
437	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
438	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
439	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (100g/kg), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (25g/kg), (40g/l) + Phoxim 20g/kg (100g/kg), (26g/l)	Cygold 60GR, 225WP, 666EC	**60GR, 666EC:** Sâu đục thân/lúa **225WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
440	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Sanafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
441	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
442	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Dimethoate 185g/l	Catona 555EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
443	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 150g/l	Dorifos 500EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
444	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
445	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Wince 600EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
446	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Emamectin benzoate 25g/l + Fenobucarb 341g/l	Japenra 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
447	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
448	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Etofenprox 200g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
449	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5GR	sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
450	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Fenobucarb 300g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
451	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fenobucarb 400g/l	Babsac 600EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp muội/cà phê; sâu róm/điều	Công ty TNHH Việt Thắng
452	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300g/l	Fenfos 650EC	Mọt đục cành/cà phê; bọ trĩ/thuốc lá; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
453	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Fenobucarb 100g/l	Redphos 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
454	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fenobucarb 350g/l	Super Kill Plus 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
455	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 400g/l + Fipronil 50g/l	Ansaoser 750EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
456	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l + Imidacloprid 80g/l	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
457	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + 26g/l Lambda-cyhalothrin	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
458	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
459	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	**3GR:** Rầy nâu/lúa; rệp sáp rễ/hồ tiêu, cà phê; bọ hà/khoai lang; sâu đục thân/ngô, mía **330EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, mọt đục quả, mọt đục cành/cà phê; bọ xít muỗi/điều; mối/tiêu;sâu xám/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
460	Chlorpyrifos Ethyl 545g/l + Fipronil 50g/l	Megaphos 595EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
461	Chlorpyrifos ethyl 556g/l + Fipronil 75g/l + Lambda-cyhalothrin 35g/l	Fivtoc 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
462	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
463	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	**5GR:** rệp sáp/hồ tiêu, rầy nâu/lúa, sâu đục thân/lúa; ve sầu, mối/cà phê **66WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê **250EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô; sâu đục quả/bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
464	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l, (450g/kg) + Imidacloprid 150g/l, (150g/kg)	Pro-per 600EC, 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
465	Chlorpyrifos Ethyl 420g/kg (570g/l) + Imidacloprid 57.77g/kg (25g/l)	Usagrago 477.77WP, 595EC	**477.77WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu năn/lúa **595EC:** Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
466	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 70g/l	Dizorin super 55EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
467	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Imchlorad 350EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty CP Bình Điền MeKong
468	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 20g/l	Duca 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
469	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Repny 12GR, 65WP, 600EC	**12GR:** sâu đục thân/lúa **65WP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **600EC:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
470	Chlorpyrifos Ethyl 490g/l + Imidacloprid 105g/l	Osakajapane 595EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
471	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidaclorprid 50g/l	Topol 450EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH hóa chất NN Quốc tế
472	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Imidacloprid 150 g/kg	Raymore 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
473	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + Lambda-cyhalothrin 45g/kg	Ragonmy 555WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lan Anh
474	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 30g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Forter 630WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
475	Chlorpyrifos ethyl 524g/l + Imidacloprid 40.5g/l + Lambda-cyhalothrin 30.5g/l	Sory 595EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
476	Chlorpyrifos ethyl 675g/l + Indoxacarb 25g/l	Indophos 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
477	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Monofos 500EC	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
478	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Pros 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
479	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Pyrifdaaic 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
480	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
481	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
482	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
483	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda-cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
484	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Shepemec 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
485	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Newmethrin 585EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
486	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
487	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	sâu xanh da láng/đậu tương; rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông Việt
488	Chlorpyrifos Ethyl 100g/kg, (500g/l), (500g/kg) + Permethrin 20g/kg, (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 12GR, 600EC, 600WP	**12GR:** sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/cà phê, mối/cà phê **600WP:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **600EC:** sâu cuốn lá,sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
489	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Big one 650WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
490	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu, rầy nâu nhỏ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
491	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
492	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Pymphos 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
493	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (400g/kg) (500g/l) + Pymetrozine 490g/kg (250g/kg), (166g/l)	Schesyntop 500WG, 650WP, 666EC	**500WG, 650WP, 666EC:** rầy nâu/lúa **666EC:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
494	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
495	Chlorpyrifos Ethyl 375g/l + Sulfoxaflor 37.5g/l	Laser 412.5 SE	Sâu đục thân/lúa	Dow AgroSciences B.V
496	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Thiamethoxam 150g/l	Dago 400SE	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
497	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
498	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3GR, 40EC	**3GR:** sâu đục thân/ngô **40EC:** sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago-Super 3GR, 20EC	**3GR:** sâu đục thân/lúa, ve sầu/cà phê, sâu đục bắp/ngô; bọ hà/khoai lang, sâu đục thân/mía **20EC:** rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu tương; rệp muội, rệp sáp, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50EC	bọ xít/lúa; rệp sáp/cam; sâu đục ngọn/xoài; sâu đục gân lá/nhãn; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi/chè	Map Pacific PTE Ltd
499	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
500	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
501	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
502	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
503	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	Nhện đỏ/đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
504	Clofentezine 14% + Spirodiclofen 10%	Ω-Spilo 24SC	Nhện đỏ/chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
505	Chromafenozide (min 91%)	Hakigold 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Phares 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sojitz Corporation
		Red ruby 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
506	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
507	Clinoptilolite	Map Logic 90WP, 90WG	**90WP:** tuyến trùng/lúa, cam, hành tím, hồ tiêu, thanh long, cà phê, dưa hấu, cà chua, su su, chanh leo **90WG:** tuyến trùng/hồ tiêu	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
508	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16SG, 50WG	**16SG:** rầy nâu/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, dòi đục lá/cà chua, rầy xanh/chè, sâu vẽ bùa/cam **50WG:** Bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/xoài; rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/lúa; rệp muội/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Thunderan 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
509	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
510	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
511	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
512	Cnidiadin	Hetsau 0.4EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; nhện lông nhung/vải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
513	Cyantraniliprole (min 93%)	Benevia® 100 OD, 200SC	**100OD:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/ớt; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/dưa chuột;	Công ty TNHH FMC Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			200SC: dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; sâu xanh sọc trắng, bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/ớt	
514	Cyantraniliprole 100g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	Minecto® Star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/ớt, dưa hấu; bọ phấn/dưa chuột	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
515	Cyclaniliprole (min 95%)	Teppan 50SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
516	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
517	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	Sâu cuốn lá/lúa, chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	Sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/dưa chuột, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
518	Cyhalodiamide 100g/l + Chlorfenapyr 165g/l	Lorcy 265SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/điều, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
519	Cyhalodiamide 90g/l + Chlorfenapyr 150g/l	Futsals 240SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
520	Cyhalodiamide 150g/l + Lufenuron 50g/l	Votes 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
521	Cyhalodiamide 180g/l + Lufenuron 60g/l	Lucy 240SC	Sâu đục thân/lúa, sâu vẽ bùa/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
522	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 250EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 35EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arrivo 25EC	rầy xanh/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Biperin 100EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Cymerin 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Cymkill 25EC	sâu khoang/bông vải	Forward International Ltd
		Cyper 25EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Cyperan 10EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/điều	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyperkill 25EC	rầy xanh, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân/khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Cypermap 25EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Cyrux 25EC	sâu xanh/bông vải, rệp sáp/cà phê; bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibamerin 25EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosher 25EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Loxa 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nitrin 10EC	sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		NP-Cyrin super 250EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Pankill 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Power 5EC	bọ xít/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Pycythrin 5EC	sâu phao/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		SecSaigon 25EC	sâu hồng/bông vải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sherbush 25EC	sâu keo/lúa, bọ xít/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sherpa 25EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Shertox 5EC, 10EW	**5EC:** sâu keo, bọ xít/lúa; rệp vảy/cà phê **10EW:** rệp sáp/cà phê, sâu phao/lúa, sâu ăn lá/đậu tương, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 10EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 100EC	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Tiper 25EC	sâu đục thân/lúa, bọ xít/điều, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tornado 25EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Tungrin 25EC	sâu phao, sâu keo/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/thuốc lá; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 25EC, 25EW	**25 EW:** sâu xanh/thuốc lá; sâu phao/lúa **25EC:** Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	Bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
523	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/ đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
524	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
525	Cypermethrin 3% + Dimethoate 27%	Nitox 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp/cà phê; sâu ăn lá/đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
526	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
527	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
528	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; rệp, bọ trĩ/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành
529	Cypermethrin 20g/l + Dimethoate 200g/l + Fenvalerate 30g/l	Antricis 250EC	sâu đục quả/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
530	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15EC	rệp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
531	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
532	Cypermethrin 2% + Isoprocarb 6%	Metox 809 8EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
533	Cyromazin 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
534	Cypermethrin 30g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/lạc; rầy, sâu xanh/bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
535	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
536	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	Nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
537	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23EC	sâu xanh/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
538	Cypermethrin 5% + Quinalphos 20%	Tungrell 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/thuốc lá; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
539	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	dòi đục lá/đậu tương, sâu vẽ bùa/hoa cúc, dòi đục lá/tỏi; dòi đục lá/khoai tây	Công ty CP Nicotex
		Chip 100SL	sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Newsgard 75WP	sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nôngiahưng 75WP	Sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Trigard® 100SL	dòi đục lá/dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
540	Thiamethoxam 10% + Cyromazine 50%	Ω-Tiro 60WG	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
541	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	sâu tơ/bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
542	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC-Mite 70SL	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/hoa hồng, bưởi; rệp/khoai tây; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
543	Deltamethrin (min 98%)	Appendelta 2.8EC	sâu phao/lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, rệp/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê; rệp muội/ngô **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu xanh; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/đậu xanh, bọ xít/lúa **2.5SC:** sâu xanh da láng/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5EC	sâu phao, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
544	Deltamethrin 25g/l (90g/l), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120 g/l), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 800WG	**75SC, 800WG:** Sâu cuốn lá/lúa **210EC:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
545	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sân năn/lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
546	Deltamethrin 50g/l + Piperonil Butoxide 250g/l (min 90%)	Chín sâu 300EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
547	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
548	Diafenthiuron (min 97%)	Apensus 500SC	Nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Define 500SC	sâu tơ/bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP, 500SC	**50WP:** nhện đỏ/cam, chè **500SC:** nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nicotex
		Fier 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pegasus® 500SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/cây cảnh; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Pesieu 500WP, 500SC	**500WP:** sâu tơ/bắp cải **500SC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/rau cải; bọ nhảy/cải thảo; bọ trĩ/cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/cà tím; sâu baba, sâu khoang/rau muống; sâu đục quả/đậu đũa, cà tím, đậu côve, ớt; sâu khoang/rau dền; sâu tơ/súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/hành; sâu tơ/cải thảo; sâu đục quả/cà pháo; sâu khoang/mồng tơi; bọ nhảy/su hào	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	Nhện đỏ/nho	Công ty CP SAM
549	Diafenthiuron 423 g/l + Emamectin benzoate 14 g/l	Manly 437SC	nhện đỏ/chè	Công ty CP NN HP
550	Diafenthiuron 500 g/kg + Indoxacarb 50 g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
551	Diafenthiuron 200g/kg + Propagite 350g/kg	Supermite 550WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
552	Diflubenzuron (min 97%)	Akizuron 250WP	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
553	Diflubenzuron 430g/kg + Nitenpyram 350g/kg	Goodcheck 780WP	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
554	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Sieucheck 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
555	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
556	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
557	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40EC	bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; bọ trĩ/bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40EC	bọ xít hôi/lúa, sâu đục quả/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; rệp/đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Bini 58 40EC	rệp/mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC	bọ xít/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		By 90 40EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
		Dibathoate 40EC	rầy/lúa, nhện/cà phê, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	bọ xít/lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	sâu ăn lá/hoa hồng	ZagroGRoup, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC	sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	**10GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/ khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/lạc; sâu đục thân/điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pyxoate 44EC	rầy/ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC	rệp sáp/cà phê, bọ xít/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Watox 400EC	bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
558	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
559	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB-Tigi 5GR	rầy nâu/lúa, dế dũi/ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5GR	bọ trĩ/lúa, sâu đục thân/mía, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5GR	sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
560	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
561	Dimethoate 400g/l + Fenobucarb 100 g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
562	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
563	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	rệp/đậu tương, bọ xít/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP TST Cần Thơ
564	Dimethoate 220g/l + Fipronil 30g/l + Quinalphos 200g/l	Empryse 450EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
565	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
566	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp muội/mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
567	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
568	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Chat 20WP	rầy nâu/lúa, bọ nhảy/bắp cải, rầy bông/ xoài, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, dòi đục lá/dưa chuột	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Cheer 20WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Cyo super 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp muội/dưa chuột, rầy xanh/chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR:** rầy xanh/đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/lúa, rầy/xoài, dòi đục lá/dưa chuột, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/cà phê **20SG:** Bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp	Mitsui Chemicals Agro, Inc.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			100SL: rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/hoa hồng; rầy nâu/lúa	
		Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	Rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
569	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	Dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
570	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ nhảy sọc cong/rau cải xanh, bọ phấn trắng/sắn	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
571	Dinotefuran 10g/l, (10g/kg) + Fipronil 175g/l, (400g/kg) + Imidacloprid 370g/l, (400g/kg)	Vdcnato 555FS, 810WG	**555FS:** Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **810WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
572	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	Acdinosin 50WP, 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
573	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
574	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
575	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
576	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
577	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
578	Dinotefuran 180g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
579	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
580	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
581	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
582	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
583	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
584	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
585	Dinotefuran 90g/kg + Pymetrozine 610g/kg	Chetsduc 700WG	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
586	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
587	Dinotefuran 200g/kg + Pymetrozine 400 g/kg	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
588	Dinotefuran 20% + Pymetrozine 40%	Medino 60WG	Rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Global Farm
589	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
590	Dinotefuran 200g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
591	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	Acplant 1.9EC, 4 TB, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam **4TB:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương **20WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu đục quả/nhãn; bọ trĩ, dòi	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			đục lá/dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	
		Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; rệp sáp/cà phê, điều, vải; sâu xanh/bắp cải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/bắp cải; sâu đục quả/ đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/điều **5ME:** Sâu vẽ bùa/cây có múi, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Ansuco 120EC, 260WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Apache 4EC, 10WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Bafurit 5WG	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/nho, bông vải; bọ xít/vải; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Nông Sinh
		Bemab 3.8EC, 52WG	**3.8EC:** Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **52WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Binged 50WG	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
		Boema 50EC, 50WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
		Browco 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Calisuper 5.5WP, 41ME, 52WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ rĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Compatt 55.5 WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC:** Sâu cuốn lá/lúa **51WG:** Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/ xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 3.8EC	sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 150WG	**22EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dollar 50WG, 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 40EC	Nhện gié/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu ăn bông/xoài, nhện đỏ/chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/nhãn, vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa **10WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Eagle 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Ebama 5.5WG, 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 40EC, 100WG	**40EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Emaaici 120WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông HBR
		Emagold 6.5EC, 6.5WG	**6.5EC:** Sâu khoang/lạc **6.5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Emaplant 3.8EC, 5WG	**3.8EC:** nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 60EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Emathai 4EC, 10WG	**4EC:** Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu **10WG:** Bọ trĩ/dưa hấu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Emathion 55EC, 100WG	**55EC:** Bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Emasuper 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Ematigi 3.8EC	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** Sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Emavua 36EC, 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Emaxtin 3.8EC, 55.5WG	**3.8EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/cam **55.5WG:** Nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 1.9EC, 108WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt; sâu xanh/cà chua **108WG**: rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Etimex 2.6EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi/lá/cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; sâu khoang, sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, nhện đỏ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Fastish 116WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải **35.5EC:** Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/lúa; nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 4EC, 96WG	**4EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **96WG:** Nhện đỏ/chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		Goldemec 5.7EC, 5.55WG	**5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam, quýt **5.55WG:** Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp muội/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV Gold Ocean

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Golnitor 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Haeuro 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Hagucide 40EC, 70WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoatox 2ME	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 40EC, 50WG	**40EC:** Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
		Jiametin 1.9EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		July 5EC, 5WG	sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, rệp/đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** Bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu; bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa **5EC:** Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Khủng 100WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 3.8EC	bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vicowin
		Lion kinh 50WG, 50EC	**50WG:** Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC:** sâu khoang/lạc	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Map Winner 5WG	sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ xít muỗi/chè; sâu khoang/cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/ chanh leo; bọ trĩ, rệp/ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô	Map Pacific Pte Ltd
		Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mectinone 5.5WP, 22EC, 41ME, 126WG	**5.5WP, 41ME, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa **22EC:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Mekomectin 3.8EC, 135WG	**3.8EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **135WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Mikmire 2.0EC, 14.5WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Moousa 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Nazomi 2.0EC, 5WG	**2.0EC:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp muội/đậu xanh **5WG:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp cờ/ngô	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/cam, sâu xanh/cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Newmectin 2.0EC, 5WP, 41ME, 126WG	**2.0EC:** rầy nâu/lúa **5WP:** bọ cánh tơ/chè **41ME, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/lúa/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		Oman 2EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Proclaim® 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/xoài; sâu đục quả/bông vải; sâu khoang, sâu xanh,	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			sâu gai sừng ăn lá/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn. **5WG:** sâu keo mùa thu/ngô	
		Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 5.8EC, 8WG	**5.8EC:** rầy bông/xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Promectin 5.0EC, 100WG	**5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/nho; rệp bông/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 72EC, 6.0WG, 99.9SC	**72EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **6.0WG:** Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam **99.9SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 50WP, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài **50WP:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/súp lơ; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **68WG:** Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Royal city 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
		Sausto 1EC, 50WG	**1EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh/cà chua **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Silsau super 3.5EC, 5WP	**5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải **3.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/cam, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
		Starrimec 5WG, 75EC, 80SC, 105SG	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **75EC:** sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** Nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Susupes 1.9EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu;	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/hoa hồng	
		Tamala 1.9EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; rầy bông, rệp sáp/xoài; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Tanwin 2.0EC, 5.5WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/nhãn; sâu xanh/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả,	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			nhện đỏ, bọ xít/vải; sâu róm/thông; rầy, sâu xanh/hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; rầy/xoài	
			5WG: sâu róm/thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ xít/vải, nhãn; sâu baba/ rau muống; bọ nhảy/cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/bí xanh; rệp muội/đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	
		Tikemectin 4EC, 60WG	**4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè;	Công ty CP XNK Thọ Khang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài **60WG:** sâu cuốn lá/lúa	
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Totnhatsuper 100WG, 70EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Multiagro
		Tungmectin 5EC, 5WG	**5EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sau xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			5WG: Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/ vải; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/ đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/bưởi **5SG:** Bọ cánh cứng/rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yasmine 19EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Zamectin 83EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
592	Emamectin benzoate 20g/l (55g/kg) + Fipronil 50g/l (500g/kg)	Nighcid 70SC, 555WG	**70SC:** sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa **555WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
593	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20WP	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu năn, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
594	Emamectin benzoate 56g/kg + Fipronil 30g/kg	Picomec 86WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
595	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Andousa 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
596	Emamectin benzoate 110g/kg + Fipronil 40g/kg	Nanowinusa 150WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
597	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (300g/kg) + Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
598	Emamectin benzoate 10% + Flufiprole 10%	Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
599	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
600	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
601	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
602	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
603	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
604	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
605	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP	**180SC:** Sâu cuốn lá/lúa **205WP:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
606	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC:** Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
607	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
608	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
609	Emamectin benzoate 50 g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
610	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
611	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài	Map Pacific Pte Ltd
612	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armcide 50WG	Sâu đục bắp/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
613	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; rầy xanh/chè; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
614	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	**100EC:** Châu chấu tre/ngô, sâu xanh/hoa cúc; sâu khoang/khoai tây, sâu keo mùa thu/ngô **150WG:** sâu xanh/hoa cúc; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
615	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa **150WG:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
616	Emamectin benzoate 10g/l + Matrine 10g/l	Kimcis 20EC	nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cam, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
617	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
618	Emamectin benzoate 19g/l, (49g/kg), (89g/l) + Matrine 1g/l (1g/kg), (1g/l)	Mectinstar 20EC, 50SG, 90SC	**20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu khoang/lạc; rệp/thuốc lá; rầy xanh/chè; rầy bông/xoài; nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **90SC:** rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
619	Emamectin benzoate 41g/l + Matrine 2g/l	9X-Actione 4.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
620	Emamectin benzoate 20g/kg (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/kg (1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 21WP, 30EC, 61WG	**21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi, rầy canh/chè **61WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
621	Emamectin benzoate 48g/kg, (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/kg, (2g/kg), (2g/l)	Rholam Super 50SG, 100WG, 27EC	**27EC:** nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/nho; sâu khoang/lạc; rầy bông/xoài; sâu đục gân lá/vải **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
622	Emamectin benzoate 60g/l + Matrine 4g/l	Bạch tượng 64EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH - TM Nông Phát
623	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/kg + Matrine 1g/l, (0.5g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5WG,	**25EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
624	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
625	Emamectin benzoate 29.5g/l (49g/kg) + Martrine 0.5g/l, (1g/kg)	Techtimex 30EC, 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
626	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
627	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/bắp cải; nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Comda 250EC	Bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rệp muội/hoa cúc, ớt; rệp sáp/cà phê, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/hành, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
628	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Emamec 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
629	Emamectin benzoate 19g/l + Permethrin 80.99 g/l	Tiachop 99.99EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
630	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
631	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
632	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
633	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) +200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
634	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5EC	sâu đục quả/đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
635	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; rầy xanh/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
636	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
637	Ethiprole 100 g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
638	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Slavic 10SC	rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu khoang/bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/vải; bọ xít muỗi/điều	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
639	Etofenprox 2% + Phenthoate 48%	ViCIDI-M 50EC	bọ xít/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
640	Etoxazole (min 95%)	Ac-Toxazol 200SC	Sâu tơ/bắp cải, chè	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Borneo 11SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH HC Sumitomo VN
		Etoman 20SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển KT và chuyển giao công nghệ
		Eto Speed 200SC	Nhện đỏ/cam, hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		RedArmy 110SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Cửu Long
		Ω-Etoxa 110SC	Nhện đỏ/cam, chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
641	Etoxazole 5% + Pyridaben 20%	Spinner 25SC	Nhện đỏ/hồ tiêu, sắn	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
642	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/bí xanh, dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nam Bắc
643	Fenbutatin oxide (min 95%)	Nilmite 550SC	nhện gié/lúa; nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
644	Fenbutatin oxide 8% + Propargite 30%	Pro-F 38SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
645	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	sâu đục thân/lúa, rệp/cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Sumithion 50EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/lúa **50EC:** sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
646	Fenitrothion 45% + Fenoburcarb 30%	Difetigi 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
647	Fenitrothion 25% (250g/l) + Fenvalerate 5% (50g/l)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
648	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol-S 50EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
649	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	rầy nâu/lúa, rệp/thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Bassa 50EC	rầy/lúa, rệp sáp/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	rầy nâu, sâu keo/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Forcin 50EC	rầy nâu/lúa, bọ trĩ/bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Nibas 50EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa, rệp vảy/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tapsa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Triray 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	rầy, rầy nâu/lúa; rệp/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
650	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
651	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
652	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
653	Fenobucarb (5g/kg) 150g/l + Isoprocarb (195g/kg) 150g/l	Anbas 200WP, 300EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
654	Fenobucarb 350g/l + Isoprocarb 150g/l	Kimbas 500EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
655	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
656	Fenobucarb 30% + Phenthoate 45%	Diony 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
657	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	rầy nâu/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
658	Fenobucarb 300g/l + Phenthoate 450g/l	Hopsan 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
659	Fenobucarb 305 g/l + Phenthoate 450 g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
660	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	rệp/bông vải, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	Nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vimite 10EC	nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
661	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/hoa hồng; nhện gié/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
662	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
663	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
664	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	**150EW:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
665	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
666	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5SC	nhện đỏ/hoa hồng, bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		May 050SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
667	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
668	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa,bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
669	Fenvalerate (min 92%)	Dibatox 20EC	sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
670	Fipronil (min 95%)	Again 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Airblade 5SC, 800WG	**5SC:** Bọ trĩ/lúa **800WG:** Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Angent 5SC, 800WG	**5SC:** bọ trĩ/lúa **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Anpyral 800WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/đậu tương, bọ xít muỗi/ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anrogen 10.8GR, 50SC, 800WG	**10.8GR:** Rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê **50SC, 800WG:** sâu đục thân/ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Cagent 3GR, 5SC	**3GR:** Sâu đục thân/lúa, mía **5SC:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Centago 800WG, 50SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Cyroma 5SC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Fidegent 50SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Finico 800 WG	sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Fipent 800WG	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Agro Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fiprogen 0.5GR, 5SC, 800WG	**0.5GR:** Sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/lúa, sâu xanh/đậu tương **800WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Fipshot 800WG	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Forgen 800 WG	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Hybridsuper 800WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Javigent 800WG	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianil 5SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô, mía **5SC:** sâu đục thân/ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/bông vải; sâu khoang/thuốc lá **800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục thân/ngô; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/thuốc lá; rệp/bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Lexus 5SC, 800WG, 800WP	**5SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu xanh da láng/lạc **800WP:** sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Lugens 200FS, 800WG	**200FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Lupus 50ME	Sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Phironin 50SC, 800WG	**50SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ngô, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Phizin 50SC, 800WG	**50SC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Rambo 5SC, 800WG	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **5SC:** sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Reagt 5SC, 800WG	**5SC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Regal 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** sâu đục thân/lúa, sùng/mía, tuyến trùng/hồ tiêu **50SC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa **800WG:** sâu đục thân/ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Regent 0.3GR, 5SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/lúa; sâu đục thân/ngô, mía; ve sầu/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			5SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/lúa	

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			800WG: sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/lúa; bọ trĩ/điều; rệp sáp/cà phê	
		Regrant 800WG	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rigell 6GR, 75SC, 800WG	**6GR:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/lúa **75SC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	**3GR:** Sâu đục thân/lúa **50SC:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **800WG:** Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Sagofifro 850WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supergen 5SC, 800WG	**5SC:** xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **800WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Suphu 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	**10GR:** rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/cà phê **5SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa **10EC:** sâu đục thân/ngô, lúa, mía **800WG:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Tango 50SC, 800WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Thenkiu 800WG	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH King Elong
		Tungent 5GR, 5SC, 800WG	**5GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô **5SC:** sâu xanh, sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu róm/điều **800WG:** bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/lạc; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tư ếch 800WG	rệp vảy/cà phê, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	**0.3GR:** sâu đục thân/lúa **50SC:** sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **800WG:** bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
671	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
672	Fipronil 160g/l (322g/kg) + Hexaflumuron 100g/l (100g/kg)	Nok 260EC, 422WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
673	Fipronil 30g/l + Imidacloprid 150g/l	Pyzota 180EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
674	Fipronil 400 g/kg + Imidacloprid 100 g/kg	Angerent 500WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
675	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
676	Fipronil 3g/kg (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg) + Imidacloprid 2g/kg, (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	**5GR, 55SC, 800WG:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **55SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa **100EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa **100WP:** sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
677	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (250g/kg), (720g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 280WP, 750WG	**4GR, 30EC, 60SC:** sâu cuốn lá/lúa **280WP, 750WG:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
678	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l (400g/kg)	Sunato 540FS, 800WG	**540FS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa **800WG:** Rệp sáp giả/ca cao, cà phê, hồ tiêu; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội, bọ phấn/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
679	Fipronil 100g/l (250g/kg) + Imidacloprid 150g/l (440g/kg) + Lambda-cyhalothrin 80g/l (60g/kg)	Kosau 330SC, 750WP	**330SC:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **750WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
680	Fipronil 100 g/kg + Imidacloprid 10 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Acdora 360WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
681	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
682	Fipronil 50 g/l + Indoxacarb 25 g/l	Blugent 75SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
683	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa, sâu xanh/đậu tương	Map Pacific Pte. Ltd
684	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
685	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
686	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
687	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (400g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
688	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Endophos super 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
689	Fipronil 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Adomate 160SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
690	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
691	Fipronil 30g/l (100g/l), (10g/l), (606g/kg) + Indoxacarb 50g/l (20g/l), (10g/l), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (50g/l), (200g/l), (10g/kg)	Newebay 95EC, 170EW, 220SC, 666WG	**95EC, 666WG:** Sâu cuốn lá/lúa **170EW:** Rầy lưng trắng/lúa **220SC:** rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
692	Fipronil 80g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
693	Fipronil 35g/l + Lambda-cyhalothrin 15g/l	Accenta 50EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
694	Fipronil 45g/l (795g/kg) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (5g/kg)	Goldgent 60EC, 800WG	**60EC:** sâu cuốn lá/lúa **800WG:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
695	Fipronil 50 g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Golgal 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
696	Fipronil 120g/kg + Methylamine avermectin 60g/kg	Fu8 18WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
697	Fipronil 0.8 g/l (5g/kg) + Nitenpyram 100 g/l (550g/kg)	Newcheck 100.8SL, 555WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
698	Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Vinagold 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
699	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
700	Fipronil 75g/l + Propargite 625g/l	Gatpro-HB 700EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
701	Fipronil 50 g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
702	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chesshop 600WG	rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Jette super 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
703	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	M150 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
704	Fipronil 800g/kg + Pymetrozine 10g/kg	Chet 810WG	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
705	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biograp 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
706	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Nam
707	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
708	Fipronil 50.5g/l (100g/kg)+ Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	**400.5SC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê **757WP:** Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
709	Fipronil 5 g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
710	Fipronil 200g/l (100g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (100g/kg)	MAP Silo 40SC, 200WP	**40SC:** Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa **200WP:** bọ trĩ/lúa	Map Pacific Pte Ltd
711	Fipronil 0.3% + Thiosultap-sodium 11.7%	Fretil super 12GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
712	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	Bọ trĩ/hoa cúc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	Rầy nâu/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
713	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace focamid 50WG	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Teppeki 50WG	Rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
714	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
715	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
716	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
717	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
718	Flubendiamide (min 95%)	Saikumi 39.35SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.

(Xem tiếp Công báo số 889 + 890)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng